SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI

Số: 1198 /TB-BVCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Củ Chi, ngày 04 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO CHÀO GIÁ
Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện huyện Củ Chi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu thuộc dự toán: **Mua sắm thiết bị y tế cho Bệnh viện huyện Củ Chi bằng nguồn tài trợ** với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện huyện Củ Chi.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: *Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.*

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

3.1. Nhận trực tiếp tại địa chỉ: *Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547.*

3.2. Nhận qua email: tothau.bvcc@gmail.com. *(Công ty gửi thư bảng báo giá về địa chỉ: Tổ mua sắm - số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM. Số điện thoại: 028.6654.8547)*

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày 04 tháng 9 năm 2024 đến ngày 13 tháng 9 năm 2024.

- Cụ thể thời gian tiếp nhận báo giá mỗi ngày trong thời hạn quy định như sau:
  - Sáng: Từ 07h30 đến 11h30;
  - Chiều: Từ 13h30 đến 16h30.

- Các báo giá sẽ được Bệnh viện tiếp nhận trong giờ hành chính các ngày trong tuần *(Bệnh viện sẽ không tiếp nhận báo giá vào ngày thứ 7 và chủ nhật hàng tuần)*. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị). *(Đính kèm Phụ lục I).*

2. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện huyện Củ Chi.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

3.1 Máy thận nhân tạo: trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

3.2 Máy siêu âm điều trị: trong vòng 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ tạm ứng: không có.

- Thanh toán hợp đồng khi trúng thầu:

Hình thức thanh toán: chuyển khoản;

Thời hạn thanh toán: 90-120 ngày kể từ ngày bệnh viện nhận được hóa đơn tài chính và đầy hồ sơ thanh toán (bao gồm: Biên Bản nghiệm thu, Mẫu số 08a, Bảng đối chiếu công nợ) của nhà thầu;

5. Các thông tin khác:

- Nhà thầu vui lòng báo giá mẫu *(Đính kèm Mẫu báo giá);*

- Mô tả đặc tính kỹ thuật có thể được thay đổi khi HĐKHCN của Bệnh viện có nhu cầu;

- Địa điểm cung cấp hàng hóa sau khi trúng thầu và ký kết hợp đồng: Tại Bệnh viện huyện Củ Chi – Địa chỉ: số 1307 Tỉnh lộ 7, ấp Chợ Cũ 2, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP. HCM;

Trân trọng ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TMS (THTT.02b);

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI

Nguyễn Tô Bảo Hoàng

SỞ Y TẾ TP HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I: DANH MỤC THIẾT BỊ

Gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế cho Bệnh viện huyện Củ Chi bằng nguồn tài trợ

(Ban hành kèm theo Thông báo số: 1198../TB-BVCC, ngày 04.. tháng 9.... năm 2024)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy thận nhân tạo	Chi tiết theo phụ lục II đính kèm	Cái	2
2	Máy siêu âm điều trị		Cái	1

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC II: TÍNH NĂNG, THÔNG SỐ KỸ THUẬT VÀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN VỀ KỸ THUẬT

Gói thầu: Mua sắm thiết bị y tế cho Bệnh viện huyện Củ Chi bằng nguồn tài trợ

(Ban hành kèm theo Thông báo số:1198../TB-BVCC, ngày 04.. tháng 9.. năm 2024)

1. Máy thận nhân tạo:

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU		
I	**YÊU CẦU CHUNG**		
1	Chất lượng: máy mới 100%		
2	Năm sản xuất: Năm 2024 trở về sau.		
3	Hàng hóa đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.		
4	Nhập khẩu theo quy định của Thông tư 30/2015/TT-BYT, Thông tư số 05/2022/TT-BYT, Nghị định 98/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành đối với các thiết bị nhập khẩu		
5	Thiết bị phải được phân loại mức độ rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế.		
6	**Môi trường hoạt động:**		
6.1	Nhiệt độ trong phòng: 15°C – 35°C		
6.2	Áp suất khí quyển: 700hPa - 1060hPa		
6.3	Độ ẩm: 30% - 75%, độ ẩm tối đa 95%		
7	**Nguồn điện sử dụng**		
7.1	Điện áp sử dụng: 220V, 50 - 60 Hz		
7.2	Tiêu thụ dòng: ≤ 9A		
II	**YÊU CẦU CẤU HÌNH**		
1	Máy chính	Máy	1
2	Bộ dây nối với dịch lọc A, B (gắn sẵn)	Bộ	1
3	Dây nối với hệ thống nước RO	Cái	1
4	Dây nối với hệ thống nước thải	Cái	1
5	Cây treo dịch truyền (Cọc đỡ dịch mồi)	Cái	1
6	Giá đỡ quả/màng lọc	Cái	1
7	Que hút hoá chất tẩy trùng	Cái	1
8	Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh/Việt	Bộ	1
III	**YÊU CẦU KỸ THUẬT**		
1	**Thông số chung:**		
1.1	**Nước cung cấp:**		

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
1.1.1	Áp lực đầu vào: 1.5 – 6.0 bar
1.1.2	Nhiệt độ: 5°C – 30°C
1.1.3	Đầu ra đường thải tối đa cao: 1m
1.2	**Các kết nối bên ngoài:**
1.2.1	Ngõ vào thiết bị báo động (Alarm in): dùng cho chức năng bệnh nhân gọi sự trợ giúp
1.2.2	Báo động (Alarm out): dùng để hiển thị trạng thái của máy.
1.3	**Màn hình hiển thị:**
1.3.1	Máy sử dụng màn hình màu TFT - LCD kích thước ≥ 10 inch
1.4	**Pin dự phòng**
1.4.1	Pin dự phòng đảm bảo duy trì hoạt động của màn hình và khối dây máu ngoài trong ít nhất 15 phút kể từ thời điểm mất điện.
1.5	**Đèn báo hiệu:**
1.5.1	Màu xanh: hoạt động bình thường
	Màu vàng: cảnh báo
	Màu đỏ: báo động
1.6	**Theo dõi độ thanh thải trực tuyến (lọc máu đủ liều) Kt/V:** (Cho phép theo dõi liên tục)
1.6.1	Thời gian điều trị lọc máu hiệu quả
1.6.2	Thể tích huyết tương được lọc sạch (Kt)
1.6.3	Nồng độ Na trong huyết tương
1.6.4	Độ chính xác của độ thanh thải K: ± 6%
1.6.5	Liều lọc máu tại thời điểm hiện tại (Kt/V)
1.7	**Chương trình tự kiểm tra tính năng an toàn (test) trước khi lọc máu:**
	Máy có chương trình (test) tự động kiểm tra các tính năng an toàn trước mỗi ca điều trị lọc máu và chương trình này bắt buộc phải phải thực hiện trước mỗi ca điều trị.
2	**Khối dây máu bên ngoài (Khối tuần hoàn máu ngoài cơ thể):**
2.1	**Bơm máu động mạch:**
2.1.1	Tốc độ bơm: 15 tới 600 ml/phút đối với dây máu đường kính cỡ Ø8mm.
2.1.2	Độ chính xác: ± 10%
2.1.3	Người vận hành có thể điều chỉnh sử dụng các loại dây máu có đường kính từ Ø2 tới Ø10mm mà không cần phải thay bơm hoặc cần Kỹ thuật viên cân chỉnh
2.2	**Theo dõi áp lực động mạch:**
2.2.1	Khoảng hiển thị: – 300 mmHg tới + 280 mmHg
2.2.2	Độ chính xác: ± 10 mmHg
2.2.3	Độ phân giải: 20 mmHg
2.3	**Theo dõi áp lực tĩnh mạch:**
2.3	Khoảng hiển thị: – 60 mmHg tới +520 mmHg
2.3.1	Độ chính xác: ± 10 mmHg
2.3.2	Độ phân giải: 20 mmHg

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
2.4	**Theo dõi áp lực xuyên màng (TMP):**
2.4.1	Khoảng hiển thị: – 60 mmHg tới +520 mmHg
2.4.2	Độ phân giải: 20 mmHg
2.5	**Bộ phát hiện khí:**
2.5.1	Phát hiện bong bóng khí trong máu nhờ vào bộ phát sóng siêu âm, kết hợp với cảm biến quang học ở kẹp tĩnh mạch
2.6	**Bơm Heparin:**
2.6.1	Lưu lượng truyền: 0 - 10 ml/giờ
2.6.2	Truyền nhanh (Bolus): tối đa 5 ml /lần
2.6.3	Kích cỡ xy lanh: 20 ml
3	**Khối thủy lực (Khối tuần hoàn dịch lọc):**
3.1	Lưu lượng dịch lọc: 0 – 300 – 500 – 800 ml/phút
	Nhiệt độ dịch lọc: Khoảng từ 35°C - 39°C
3.2	**Độ dẫn điện của dịch lọc:**
3.2.1	Khoảng hiển thị: 12.8 - 15.7 mS/cm (25 °C)
3.2.2	Độ chính xác: ± 0.1 mS/cm
3.3	**Nồng độ Acid trong dịch lọc:**
3.3.1	Tỉ lệ pha trộn dịch mặc định: 1 + 34 (có thể thay đổi)
3.3.2	Khoảng thay đổi: 125 đến 150 mmol/l
3.4	**Nồng độ Bicarbonate trong dịch lọc**
3.4.1	Tỷ lệ pha trộn mặc định: 1 + 27.6 (có thể thay đổi)
3.4.2	Khoảng thay đổi: –8 đến +8 mmol/l Bicarbonate
3.4.3	Sử dụng được dịch bột khô đóng gói sẵn bicarbonate.
3.4.4	Hệ thống màng lọc dịch lọc siêu sạch gắn bên ngoài máy.
	Độ cân bằng chính xác: ± 0.1% so với lưu lượng dịch lọc
3.5	**Siêu lọc (Ultrafiltration):**
3.5.1	Tốc độ rút ký: 0 - 4 lít/ giờ
3.5.2	Độ chính xác: ± 1%
3.5.3	Các thông số hiển thị: Số ký cần rút (UF Goal), thời gian rút ký (UF time), tốc độ rút ký (UF rate) và số ký đã rút (UF volume)
3.5.4	Máy có tính năng siêu lọc mà không trao đổi ion (Sequential ultrafiltration): Chế độ chỉ rút cân mà không cung cấp dịch lọc ISO UF.
3.6	**Bộ phát hiện vỡ màng lọc máu:**
3.6.1	Độ nhạy: ≤ 0.5 ml máu/phút (HCT = 25)
3.6.2	Với mức lưu lượng tối đa: 800ml/phút
3.6.3	Báo động sau 8 giây khi phát hiện rò rỉ tại bộ cảm biến
3.6.4	Khi có báo động vỡ màng xảy ra, nếu được xác nhận máy sẽ kiểm tra lại trong vòng 2 phút sau đó
3.6.5	Dòng dịch tối ưu (adapted flow)

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
3.6.6	Máy có chức năng dòng dịch tối ưu tự động làm giảm lưu lượng dịch lọc trong chế độ chuẩn bị và hoàn trả máu do đó tiết kiệm dịch lọc, nước và năng lượng. Điều chỉnh lưu lượng dịch lọc tương ứng trong chế độ điều trị dựa trên tốc độ máu được người sử dụng cài đặt.
3.6.7	Nếu chức năng dòng dịch tối ưu được cài đặt trong chế độ cài đặt (SETUP):
	Tốc độ dịch lọc = tốc độ bơm máu thực tế x hệ số trong máy (làm tròn đến ngưỡng 100)
	Hệ số trong máy được đặt trong khoảng 1.2 hoặc 1.5 với mức tăng giảm mỗi 0.1 (điều chỉnh trong SETUP)
4	**Các chương trình rửa:**
4.1	**Rửa (đơn thuần dùng nước RO):**
	Nhiệt độ/Lưu lượng: 37°C/600mL/phút
4.2	**Rửa nhiệt (tuần hoàn hoặc kết hợp):**
	Nhiệt độ/Lưu lượng: 84°C/450mL/phút
4.3	**Rửa hóa chất nhiệt độ thường (tuần hoàn):**
	Nhiệt độ/Lưu lượng: 37°C/600mL/phút
4.3	**Rửa hóa chất nóng (tuần hoàn):**
	Nhiệt độ/Lưu lượng: 84°C/450mL/phút
4.4	Có thể lựa chọn kết hợp nhiều chương trình với nhau
IV	**YÊU CẦU KHÁC**
1	Thời gian thực hiện hợp đồng: ≤ 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Bảo hành ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu hàng hóa đưa vào sử dụng
3	Bảo trì trong thời gian bảo hành theo quy định của nhà sản xuất.
4	Cam kết cung cấp phụ tùng thay thế, vật tư tiêu hao ít nhất 08 năm kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao đưa vào sử dụng (kèm theo danh sách chi tiết linh kiện thay thế thường gặp) và Kiểm định tính năng an toàn kỹ thuật theo qui định của Bộ Y Tế.
5	Cam kết cung cấp CO, CQ, TKHQ, Giấy phép lưu hành/nhập khẩu, phân loại thiết bị, tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt khi giao hàng

2. Máy siêu âm điều trị:

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
I	**YÊU CẦU CHUNG**
1	Thiết bị được sản xuất từ năm 2024 trở về sau, mới 100%, chưa qua sử dụng
2	Tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng: Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001 hoặc CE
3	Nhập khẩu theo quy định của Thông tư 30/2015/TT-BYT, Thông tư số 05/2022/TT-BYT, Nghị định 98/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành đối với các thiết bị nhập khẩu

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU		
4	Thiết bị phải được phân loại mức độ rủi ro theo hướng dẫn của Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/08/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế		
5	Nguồn điện hoạt động: Trong khoảng 100-240V, 50Hz/60Hz		
II	**YÊU CẦU CẤU HÌNH**		
1	Máy chính màn hình cảm ứng	01	Cái
2	Dây nguồn	01	Cái
3	Đầu phát sóng siêu âm 5cm2	01	Cái
4	Chai gel siêu âm 270ml	01	Chai
5	USB Driver	01	Cái
6	Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Việt	01	Quyển
III	**YÊU CẦU KỸ THUẬT**		
1	**Điều kiện hoạt động :**		
1.1	+ Nhiệt độ môi trường từ +10°C đến +30°C		
1.2	+ Độ ẩm từ 30% đến 85%		
2	**Thông số và đặc điểm kỹ thuật:**		
2.1	+ Nguồn cấp: 120 – 240VAC, 50-60Hz		
2.2	+ Trọng lượng: 3,1 Kg ± 10%		
2.3	+ Kích thước: (34cm×35.5cm×15cm)±10%		
2.4	+ Chuẩn an toàn điện: Class 1, Type B.		
2.5	+ Kiểm tra an toàn: IEC 60601-1 ; IEC 60601-1-2; IEC 60601-1-2 – 5		
2.6	+ Đầu phát siêu âm đa tần: 1MHz và 3 MHz		
2.7	+ Công suất siêu âm : Chế độ phát sóng liên tục 2.0 wat/cm2, chế độ xung 3wat/cm2		
2.8	+ Hoạt động cả hai chế độ xung và liên tục (4 mức điều chỉnh độ rộng xung: 10%, 20%, 50%, 100%)		
2.9	+ Có thể thay đổi tần số xung : 16Hz, 48Hz hoặc 100Hz..		
2.10	+ Bác sĩ có thể tự thiết lập 12 chương trình điều trị riêng và lưu vào trong bộ nhớ		
2.11	+ Sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau.		
2.12	+ Thiết kế kiểu dáng phù hợp, giao diện dễ sử dụng, có thể treo tường, dùng với xe đẩy, để bàn …rất thuận tiện trong di chuyển điều trị tại nhà.		
2.13	+ Đầu phát siêu âm thông minh, ngừng phát tia khi tiếp xúc giữa đầu phát với da không tốt, phát ra tín hiệu cảnh báo, bảo vệ đầu phát siêu âm.		
2.14	+ Màn hình màu cảm ứng 7" hiển thị màu sắc sống động và thông số điều trị.		

STT	NỘI DUNG YÊU CẦU
2.15	+ Máy có 2 ngõ ra, có báo đèn led khi kết nối đầu dò siêu âm
2.16	+ Máy với nhiều kích thước đầu dò để lựa chọn như: 1cm ; 2cm ; 5cm ; 10cm.
2.17	+ Thư viện hình ảnh kết cấu cơ, xương, khớp mô tả đầy đủ các bệnh lý cần điều trị, dễ dàng giải thích cho bệnh nhân
2.18	+ Các ứng dụng lâm sàng Suggested Protocol Setup (SPS) được cài đặt sẵn.
2.19	+ Giao diện sử dụng dễ thao tác, hướng dẫn vị trí đặt điện cực.
2.20	+ Điều chỉnh tăng, giảm công suất bằng núm xoay, dễ thao tác.
2.21	+ Thiết kế hiện đại, màu đen sang trọng, mạnh mẽ.
2.22	+ Kết nối smart bluetooth, dễ dàng copy thông tin điều trị giữa các máy thuộc dòng Intelect.
2.23	+ Cổng kết nối USB tốc độ cao giúp đơn giản hóa việc nâng cấp phần mềm và thiết lập thông tin bệnh nhân trên máy.
2.24	+ Chương trình trống cho người dùng cài đặt. Thiết kế hiện đại, có pin đi kèm và túi đựng máy. Sử dụng linh hoạt với xe đẩy, để bàn , treo tường hay điều trị tại nhà.
IV	**YÊU CẦU KHÁC**
1	Giao hàng trong thời gian: 120 ngày kể từ ngày ký hợp đồng
2	Thời gian bảo hành thiết bị: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu
3	Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế ít nhất 07 năm sau khi hết hạn bảo hành
4	Cung cấp báo giá bảo trì thiết bị sau khi hết thời gian bảo hành
5	Cung cấp báo giá phụ tùng, vật tư thay thế
6	Cam kết cung cấp CO, CQ, TKHQ, Giấy phép lưu hành/nhập khẩu, phân loại thiết bị, tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt khi giao hàng

TÊN ĐƠN VỊ CUNG CẤP

BỆNH VIỆN HUYỆN CỦ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do -Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện huyện Củ Chi

"..... (tên đơn vị) ...., có địa chỉ tại....., số đăng ký kinh doanh....., số điện thoại liên hệ ....., email ....."

Căn cứ thông báo mời chào giá của Bệnh viện huyện Củ Chi và khả năng cung cấp của công ty, chúng tôi xin gửi tới Quý viện bảng báo giá các hàng hóa như sau:

STT	STT theo thư mời chào giá	Tên danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Mã vật tư y tế theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 (nếu có)	Mã ký hiệu/ Chủng loại	Thành phần, chủng loại, tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách đóng gói	ĐVT	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Hãng/ Nước Chủ sở hữu	Năm sản xuất	Số lượng	Đơn giá (có VAT)	Thành tiền (có VAT)	Phân loại	Số đăng ký lưu hành/Giấy phép nhập khẩu	Tiêu chuẩn chất lượng	Thời gian giao hàng	Giá trúng thầu tại các CSYT (nếu có)	Tên đơn vị trúng thầu (nếu có)	Ghi chú
1																						
2																						

Ghi chú

1 Nhà thầu điền đầy đủ thông tin và các giấy tờ liên quan (nếu có).

2 Giá chào là giá đã bao gồm phí vận chuyển, bàn giao, các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có)

3 Báo giá có hiệu lực 120 ngày kể từ ngày báo giá

4 Nội dung nào không có thông tin nhà thầu để trống.

.....,Ngày ... tháng ... năm 2024

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)